

Số: /KH-UBND

Bỉm Sơn, ngày tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn năm 2024

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án 06); Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2024, UBND thị xã Bỉm Sơn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn thị xã năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa nội dung, lộ trình của Đề án 06; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch của Chính phủ, Tổ công tác Đề án 06/CP để tiếp tục triển khai thực hiện phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn.

- Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức và tạo sự lan tỏa đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn thị xã về ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án 06; phát huy tinh thần đoàn kết, chung tay, chung sức, phấn đấu hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2024; tạo tiền đề tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã; sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, công tác chủ trì, phối hợp, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, các tổ chức hội, đoàn thể, UBND các phường, xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án 06; trọng tâm là phát triển ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác

thực điện tử, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, mang lại nhiều lợi ích trước mắt và lâu dài, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện Đề án 06 theo đúng nội dung, tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; nhận diện các “điểm nghẽn” để tập trung thực hiện các giải pháp hoặc đề xuất cơ quan cấp trên có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Việc kết nối, tích hợp, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQG về DC) phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, tránh lãng phí; gắn liền với công tác bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên môi trường số.

- Hoàn thành các nhóm mục tiêu cụ thể của từng giai đoạn theo các mốc thời gian đã được xác định trong Đề án 06. Nội dung thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 15/CT-TU ngày 29/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024.

II. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Khắc phục những tồn tại hạn chế, các nhiệm vụ chậm tiến độ đã đề ra trong năm 2022 và năm 2023.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính, hồ sơ thủ tục hành chính công khai, minh bạch chưa đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hoặc trước hạn chưa đạt tối thiểu 90%; Tỷ lệ hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính chưa đạt tối thiểu 30% theo yêu cầu của Chính phủ; Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ công trực tuyến tại một số lĩnh vực vẫn còn thấp.

- Phát triển hạ tầng số chưa đồng bộ, còn một số khu vực có chất lượng

sóng di động kém.

- Việc bố trí nguồn kinh phí để triển khai Đề án 06 chưa đảm bảo.

2. Nhiệm vụ chung

2.1. Xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 gồm: Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các nhiệm vụ chưa hoàn thành của năm 2023 và triển khai các nhiệm vụ mới trong năm 2024 của Đề án, khi có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của UBND tỉnh để tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

2.2. Tăng cường lãnh đạo, quyết tâm, quyết liệt chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án 06 tại đơn vị đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; tiếp tục tổ chức quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhận thức đúng, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động để huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; bảo đảm tất cả các nhiệm vụ của Đề án 06 được giao phải thực hiện theo đúng yêu cầu, tiến độ, góp phần phục vụ thành công chuyển đổi số quốc gia.

2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết quả thực hiện Đề án 06, lợi ích của căn cước công dân gắn chip điện tử, tài khoản định danh điện tử và ứng dụng VNeID. Phát huy vai trò của Tổ công tác Đề án 06 và Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích của Đề án 06 đã được triển khai.

2.4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai các nội dung của Đề án 06.

2.5. Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ, an ninh, an toàn hệ thống và dữ liệu. Phối hợp cùng các đơn vị liên quan, triển khai phủ sóng viễn thông toàn bộ các điểm lồi để người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng, không ai bị bỏ lại phía sau, không để phát sinh thêm các điểm lồi sóng mới; đẩy mạnh giải quyết tình trạng "sim rác".

2.6. Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành; các dữ liệu của các sở, ngành, địa phương phải được làm sạch, bổ sung, cập nhật theo nguyên tắc “*đúng, đủ, sạch, sống*” và được kết nối đồng bộ vào CSDLQG về DC phục vụ xây dựng, triển khai các ứng dụng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

2.7. Đảm bảo nguồn nhân lực, nhất là cấp xã đáp ứng các yêu cầu triển

khai các nhiệm vụ của Đề án 06, trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức; đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế đặc thù để thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu.

2.8. Bố trí kinh phí để đảm bảo triển khai nhanh, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06; tập trung kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với hệ thống công nghệ thông tin tại địa phương đảm bảo an ninh, an toàn mạng; đầu tư trang thiết bị đầu cuối cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06.

2.9. Đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao hiệu quả thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; triển khai có hiệu quả Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm.

2.10. Duy trì việc kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương với CSDLQG về DC, hệ thống định danh và xác thực điện tử với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh và làm giàu CSDLQG về DC phục vụ giải quyết TTHC và công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

2.11. Đẩy mạnh thu nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân (CCCD), định danh điện tử cho công dân trên địa bàn thị xã; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; nâng cao tỷ lệ cấp và sử dụng tài khoản định danh điện tử trong giao dịch điện tử, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; sử dụng thông tin giấy tờ tích hợp trên ứng dụng gắn chip thay thế các giấy tờ trong giao dịch theo quy định của pháp luật.

2.12. Tập trung đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các mô hình của Đề án 06; Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thông tin trong quá trình thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số.

2.13. Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06. Kịp thời kiến nghị, đề xuất các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc đang gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong

công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Tập trung triển khai một số nhiệm vụ cụ thể.

3.1. Về pháp lý (02 nhiệm vụ);

3.2. Về phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (17 nhiệm vụ);

3.3. Về phát triển kinh tế, xã hội (03 nhiệm vụ);

3.4. Về phát triển công dân số (02 nhiệm vụ);

3.5. Về xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung (03 nhiệm vụ);

3.6. Về phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp (04 nhiệm vụ);

3.7. Về đảm bảo an ninh an toàn (04 nhiệm vụ);

3.8. Về kinh phí và nguồn nhân lực triển khai (02 nhiệm vụ);

3.9. Về công tác tuyên truyền (02 nhiệm vụ).

(Nội dung và 39 nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị; UBND các phường, xã tích cực triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức. Căn cứ nhiệm vụ được giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, gửi về Tổ công tác Đề án 06 thị xã *(qua Công an thị xã)* trước ngày 15/3/2024.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã, các tổ chức chính trị - xã hội thị xã chỉ đạo các đơn vị, tổ chức hội trực thuộc tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nội dung của Đề án 06 và Kế hoạch của UBND thị xã đến hội viên và nhân dân; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Tổ công tác triển khai thực hiện Đề án 06 thị xã *(qua Công an thị xã)* định kỳ hàng tuần, hàng tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Chủ động báo cáo, đề xuất UBND thị xã, Tổ công tác Đề án 06 thị xã triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện; khi có yêu cầu triển khai của các cơ quan ngành dọc kịp thời trao đổi, báo cáo về Thường trực Tổ công tác *(Công an thị xã)* để tổng hợp chung *(đề nghị gửi kèm văn bản triển khai của bộ, ngành dọc và đơn vị thực hiện)*.

4. Giao Công an thị xã chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND&UBND thị xã:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh; đề xuất biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện xuất sắc nhiệm vụ; chấn chỉnh, phê bình kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện có hành vi vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thị xã.

- Thường xuyên đôn đốc, theo dõi, tổng hợp khó khăn vướng mắc, đề xuất phương hướng giải pháp đảm bảo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND thị xã theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai Đề án 06 theo chỉ đạo tại Văn bản số 1812/UBND-VP ngày 14/6/2023 của UBND thị xã Bim Sơn về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 (*báo cáo tuần trước thứ 5 hàng tuần, báo cáo tháng trước ngày 17 hàng tháng, 6 tháng trước ngày 17/6 và báo cáo năm trước ngày 17/12*).

Chủ tịch UBND thị xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND thị xã (*qua Công an thị xã*) để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh (b/c);
- TTr. Thị ủy, TTr. HĐND thị xã (b/c);
- Các PCT UBND thị xã;
- Ban Tuyên giáo Thị ủy; Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH thị xã;
- Trưởng các phòng, ban UBND thị xã;
- Chủ tịch UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Tuấn Thành

Phụ lục**CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN 06 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BỈM SƠN NĂM 2024***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thị xã Bỉm Sơn)*

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|--|--|--|
| I | Về pháp lý (02 nhiệm vụ) | | | |
| 1 | Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã cần sửa đổi, bổ sung đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế theo yêu cầu của Đề án 06 và theo đúng quy định | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, UBND thị xã; UBND các phường, xã | Thực hiện thường xuyên |
| 2. | Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý. | Văn phòng HĐND và UBND thị xã | Các phòng, ban, UBND thị xã; UBND các phường, xã | Thực hiện thường xuyên |
| II | Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (17 nhiệm vụ) | | | |
| 3. | Thực hiện chỉ đạo, điều hành và đánh giá, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, thời gian theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao vai trò người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. | Văn phòng HĐND và UBND thị xã | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; UBND các phường, xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan. | Điểm đánh giá của bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công năm 2024 đứng ở top 15/63 tỉnh |
| 4. | Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ (đặc biệt đối với lĩnh vực hộ tịch, đất đai, lao động việc làm), kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo đúng quy định | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; các phòng, ban UBND thị xã; UBND các phường, xã | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Năm 2024: Cấp thị xã 100%; cấp xã 90% |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|----|--|--|---|--------------------------------|
| 5. | Tiếp tục thực hiện việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 01/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. | Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Các phòng, ban UBND thị xã; UBND các phường, xã | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Duy trì thực hiện thường xuyên |
| 6. | Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. | Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Các phòng, ban, UBND thị xã; UBND các phường, xã | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 7. | Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để tuyên truyền, tạo sự lan tỏa, tham gia ủng hộ tích cực từ người dân, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng ứng dụng CSDLQG về DC, thẻ CCCD, tài khoản định danh điện tử trong thực hiện các DVC trực tuyến. Đẩy mạnh sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập Công DVC quốc gia | Công an thị xã; phòng Văn hóa và thông tin; UBND các phường, xã | Ủy ban MTTQ thị xã; Các tổ chức chính trị - xã hội; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 8. | Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết các DVC trực tuyến đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, đạt tỷ lệ cao hơn so với năm 2023: Phân đầu tỷ lệ thủ tục hành chính, hồ sơ thủ tục hành chính công khai, minh bạch đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hoặc trước hạn đạt tối thiểu 90%; tỷ lệ hồ sơ có yêu cầu nghĩa | Các phòng, ban UBND thị xã; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; UBND các phường, xã | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm 2024 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--|--|--|
| | vụ tài chính đạt tối thiểu 45% theo yêu cầu của Chính phủ; tăng tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ công trực tuyến tại một số lĩnh vực vẫn còn thấp như: giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; thăm viếng mộ liệt sĩ; tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình... | | | |
| 9. | Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả việc lập bản điện tử Giấy khai sinh, Trích lục khai tử phục vụ liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử | Phòng Tư pháp thị xã; UBND các phường, xã | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 10. | 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình được định danh xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư | Các phòng, ban UBND thị xã; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã; UBND các phường, xã | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Năm 2024 |
| 11. | 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia; không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư đã có trong CSDLQG về DC | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã; UBND các phường, xã | Công an thị xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Năm 2024 |
| 12. | 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng | Các phòng, ban, UBND thị xã; UBND xã, phường | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Năm 2024 |
| 13. | Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính 53 dịch vụ công thiết yếu và lĩnh vực cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, CCCD | Các phòng, ban UBND thị xã; Công an thị xã; UBND xã, phường | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Trong năm 2024 và thực hiện thường xuyên |
| 14. | 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) | Các phòng, ban UBND thị xã; Công an thị xã; UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Trong năm 2024 và thực hiện thường xuyên |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---|---|--|
| 15. | 100% kết quả giải quyết TTHC của người dân được lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định. | Các phòng, ban UBND thị xã; UBND cấp xã, phường | Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Năm 2024 |
| 16. | Thực hiện rà soát, đơn giản hóa các giấy tờ, hồ sơ TTHC theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP | Văn phòng HĐND&UBND thị xã; Các phòng, ban UBND thị xã; UBND cấp xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Tháng 8/2024 |
| 17. | Tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ, kỹ năng về công nghệ thông tin của Tổ công nghệ số cộng đồng, đáp ứng yêu cầu hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện DVC trực tuyến, sử dụng các dịch vụ số... góp phần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia | Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã | Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã, phường | Thực hiện thường xuyên |
| 18. | Lựa chọn những nhóm TTHC gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp để tập trung triển khai thực chất, thuận lợi, kịp thời, hiệu quả; thay đổi tư duy từ “làm thay, làm hộ” sang hỗ trợ, hướng dẫn để nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng yếu thế; chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn người dân vùng sâu, vùng xa, các nhóm đối tượng có trình độ CNTT còn hạn chế thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử, từng bước hình thành công dân số, xã hội số | Phòng Văn hóa và Thông tin; Văn phòng HĐND và UBND thị xã; UBND các phường xã | Các cơ quan, đơn vị liên quan; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã | Trong năm 2024 và thực hiện thường xuyên |
| 19. | Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, giá trị và lợi ích của 02 nhóm dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử, phân đấu tỷ lệ nộp hồ sơ 02 nhóm Dịch vụ công liên thông đạt 90% trở lên trong năm | Văn phòng HĐND và UBND thị xã, UBND các xã, phường | Phòng Tư pháp thị xã; Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội thị xã; Công an thị xã, | Đạt từ 70% trở lên từ quý II/2024 và đạt 90% trở lên từ quý III năm 2024 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|------------|--|--|---|---|
| | 2024. | | Bảo hiểm xã hội thị xã; UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan | (tỷ lệ hồ sơ 02 nhóm Dịch vụ công liên thông/hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử phát sinh). |
| III | Nhóm phát triển kinh tế, xã hội (03 nhiệm vụ) | | | |
| 20. | Thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn: Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt và Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 06/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tăng cường thực hiện chi trả qua tài khoản cho các đối tượng hưởng chính sách; Tiếp tục rà soát bổ sung, cấp tài khoản mới cho người có nhu cầu chi trả qua tài khoản. | Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thị xã | Công an thị xã; UBND xã, phường | Thực hiện thường xuyên |
| 21. | Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, kết nối, chia sẻ dữ liệu an sinh xã hội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội dưới hình thức không dùng tiền mặt thường xuyên và đột xuất (<i>ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thiên tai...</i>) | Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội | Công an thị xã; UBND xã, phường | Thực hiện thường xuyên |
| 22. | Đẩy mạnh thực hiện các mô hình về Đề án 06; đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các mô hình phù hợp với tình | Công an thị xã, Văn phòng HĐND&UBND thị xã; | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Theo tiến độ, lộ trình của từng mô |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|---|--|---|
| | hình, điều kiện thực tế của địa phương để nâng cao kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án 06, giúp người dân tiếp cận và thụ hưởng các tiện ích của Đề án 06. | UBND xã, phường | | hình đã đề ra tại Kế hoạch số 296/KH- UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá |
| IV | Phát triển công dân số (02 nhiệm vụ) | | | |
| 23. | Đảm bảo trang thiết bị, nguồn nhân lực nhằm duy trì dữ liệu công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được " <i>đúng, đủ, sạch, sống</i> " và 100% số công dân đủ điều kiện trên địa bàn được cấp Căn cước công dân; cấp tài khoản định danh điện tử. Hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện TTHC, giao dịch dân sự; Hướng dẫn, hỗ trợ việc triển khai tích hợp chữ ký số công cộng cho tổ chức, cá nhân trong quá trình xác thực và thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến. | Công an thị xã; Văn phòng HĐND&UBND thị xã; UBND xã, phường | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 24. | Phối hợp tích hợp, xác thực, hiển thị các thông tin, giấy tờ cá nhân trên ứng dụng VNID, dần thay thế việc cung cấp các giấy tờ cá nhân trong thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính; triển khai các tiện ích trên VNID như các dịch vụ công, sổ sức khỏe điện tử, sổ BHXH, an sinh xã hội, Giấy phép lái xe... | Công an thị xã | Các phòng, ban, UBND thị xã; UBND xã, phường | Khi có chỉ đạo của Bộ Công an |
| V | Xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung (03 nhiệm vụ) | | | |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|--|--|--|
| 25. | Tập trung làm sạch, bổ sung, làm giàu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo duy trì, cập nhật dữ liệu đầy đủ, thường xuyên để chia sẻ kết nối với CSDLQG về DC khi có yêu cầu | Các cơ quan, đơn vị có CSDL chuyên ngành | Công an thị xã; phòng Văn hoá – Thông tin thị xã | Thực hiện thường xuyên |
| 26. | Huy động nguồn nhân lực từ cấp cơ sở; huy động nguồn lực xã hội hóa, thiết bị có sẵn phục vụ làm sạch dữ liệu của các ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; dữ liệu của các hội, đoàn thể. | Các phòng, ban UBND thị xã; UBND xã, phường | Công an thị xã | Thực hiện thường xuyên |
| 27. | Hoàn thành Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Trong năm 2024 và thực hiện thường xuyên trong các năm tiếp theo theo lộ trình Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa |
| VI | Phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp (04 nhiệm vụ) | | | |
| 28. | Tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án 06 tại địa phương đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu | Công an thị xã; Văn phòng HĐND và UBND thị xã; UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 29. | Tiến hành sơ kết, tổng kết; báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả triển khai Đề án 06 tại địa phương | Công an thị xã; Văn phòng HĐND và UBND thị xã; UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 30. | Tham mưu chỉ đạo, kiện toàn Tổ công tác, Tổ giúp việc Đề án 06 các cấp | Công an thị xã; Văn phòng HĐND và UBND thị xã; UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên theo yêu cầu công tác |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-------------|--|--|---|--|
| 31. | Tham mưu xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho cấp cơ sở trong triển khai Đề án 06 | Công an thị xã; Văn phòng HĐND và UBND thị xã; | Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND xã, phường | Thực hiện thường xuyên theo yêu cầu công tác |
| VII | Đảm bảo an ninh, an toàn (04 nhiệm vụ) | | | |
| 32. | Hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng; trong đó có ngành công nghệ thông tin. Rà soát, tiếp nhận công chức, viên chức được đào tạo, có kinh nghiệm về Công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị mình. | Phòng Nội vụ | Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND thị xã | Thực hiện thường xuyên |
| 33. | Rà soát, đánh giá an toàn thông tin mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đảm bảo khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. | Phòng Văn hóa và Thông tin | Công an thị xã; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 34. | Phối hợp thực hiện kiểm tra an ninh, an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu quốc gia; các hệ thống kết nối với CSDLQG về DC định kỳ, đột xuất hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị chức năng | Phòng Văn hóa và Thông tin, Công an thị xã | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Khi có yêu cầu của UBND tỉnh, Công an tỉnh |
| 35. | Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bảo gồm: xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; kiểm tra, đánh giá định kỳ | Phòng Văn hóa và Thông tin | Công an thị xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Tháng 11/2024 |
| VIII | Về kinh phí và nguồn nhân lực triển khai (02 nhiệm vụ) | | | |
| 36. | Ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn thị xã đảm bảo hiệu quả, đồng bộ từ nguồn ngân sách nhà nước (<i>đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên, dự</i> | Phòng Tài chính kế hoạch thị xã | Các phòng ban, đơn vị có liên quan, UBND xã, phường | Quý I/2024 và thực hiện thường xuyên |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ cụ thể | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|---|---|------------------------|
| | <i>phòng...)</i> theo phân cấp hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác (<i>nhiệm vụ chưa hoàn thành từ năm 2022</i>) | | | |
| 37. | Tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện Đề án 06 tại các đơn vị địa phương bằng hình thức trực tuyến | Công an thị xã | Các phòng ban, đơn vị có liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| IX | Công tác tuyên truyền (02 nhiệm vụ) | | | |
| 38. | Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết quả thực hiện Đề án 06, nhất là các tiện ích người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dưới nhiều hình thức (<i>pano, áp pich, video, màn hình led, đăng tin bài hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, bộ phận một cửa các cấp...</i>). Tạo mã Qrcode để người dân truy cập các địa chỉ hướng dẫn nghiệp vụ về định danh và dịch vụ công. | Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND xã, phường | Công an thị xã; Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thực hiện thường xuyên |
| 39. | Phối hợp với lực lượng Công an, Bru điện thị xã triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công | Các Phòng, ban, UBND thị xã; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã; UBND xã, phường | Công an thị xã, Bru điện thị xã | Thường xuyên |